

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN MIỀN TRUNG  
TRỤ SỞ CHÍNH ĐẮK LẮK**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Đắk Lắk, tháng 02 năm 2018

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 31



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Đắk Lắk (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Trụ sở chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Trụ sở chính trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Huỳnh Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Võ Thành Điền	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/12/2017)
Ông Vũ Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/12/2017)

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc của Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Trụ sở chính và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Trụ sở chính đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



**Huỳnh Văn Dũng**

**Tổng Giám đốc**

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 02 năm 2018



Số: 17/2018/BCKT-AVI-TC1

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Đắk Lắk (gọi tắt là “Trụ sở chính”) được lập ngày 09/02/2018 và được trình bày từ trang số 05 đến trang số 31 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Trụ sở chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trụ sở chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung tại Đắk Lắk tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập trình bày báo cáo tài chính.



---

**Ngô Việt Thanh**  
**Phó Tổng giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1687-2018-055-1  
*Thay mặt và đại diện cho*

---

**Bùi Quốc Trung**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1937-2018-055-1

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT**  
*Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2018*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

**MẪU SỐ B 01 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>117.599.788.222</b>	<b>91.686.354.093</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>1.987.986.069</b>	<b>550.542.682</b>
1. Tiền	111		1.987.986.069	550.542.682
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.767.814.340</b>	<b>40.455.790.186</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	21.175.057.656	19.336.189.478
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		7.325.854.867	13.101.217.125
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		12.916.461.839	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.364.481.064	9.043.094.669
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.014.041.086)	(1.024.711.086)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>70.182.125.634</b>	<b>47.331.441.833</b>
1. Hàng tồn kho	141	9	70.182.125.634	47.331.441.833
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>2.661.862.179</b>	<b>3.348.579.392</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	1.055.134.009	3.340.976.059
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	1.606.728.170	7.603.333
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>551.130.834.895</b>	<b>469.506.428.850</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>165.462.730.365</b>	<b>165.462.730.365</b>
1. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	11	165.462.730.365	165.462.730.365
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>346.491.639.017</b>	<b>265.516.036.730</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	345.991.639.017	264.914.836.721
- Nguyên giá	222		801.674.380.425	666.180.636.064
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(455.682.741.408)	(401.265.799.343)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	500.000.000	601.200.009
- Nguyên giá	228		1.114.838.954	1.114.838.954
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(614.838.954)	(513.638.945)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>7.970.897.618</b>	<b>8.299.337.114</b>
- Nguyên giá	231		9.179.007.071	9.179.007.071
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.208.109.453)	(879.669.957)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>223.946.474</b>	<b>1.010.597.369</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		223.946.474	1.010.597.369
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>4.831.716.645</b>	<b>975.860.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		3.855.856.645	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		975.860.000	975.860.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>26.149.904.776</b>	<b>28.241.867.272</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	22.839.841.524	24.588.427.614
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.310.063.252	3.653.439.658
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>668.730.623.117</b>	<b>561.192.782.943</b>







**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**MẪU SỐ B 02 - DN**  
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	613.788.278.775	384.354.839.390
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	1.842.615.410	1.062.870.274
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		611.945.663.365	383.291.969.116
4. Giá vốn hàng bán	11	24	507.179.423.016	290.582.287.245
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		104.766.240.349	92.709.681.871
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	8.389.586.925	331.931.293
7. Chi phí tài chính	22		3.252.696.819	4.892.392.603
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.252.696.819	4.892.392.603
8. Chi phí bán hàng	25	26	15.560.656.276	15.655.715.420
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	29.613.434.818	28.090.277.184
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		64.729.039.361	44.403.227.957
11. Thu nhập khác	31	28	8.232.548.372	9.785.429.954
12. Chi phí khác	32	29	951.953.632	692.575.305
13. Lợi nhuận khác	40		7.280.594.740	9.092.854.649
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		72.009.634.101	53.496.082.606
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		32.169.774.335	26.411.526.425
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		343.376.406	433.677.545
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		39.496.483.360	26.650.878.636

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Người lập



Trần Thị Thanh Phúc

Kế toán trưởng



Vũ Tuấn Anh

Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Dũng





## **1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 3503000233 ngày 26/09/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp và Đăng ký thay đổi lần thứ 7 theo mã số đăng ký doanh nghiệp số 4100739909 ngày 25/08/2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 298.466.480.000 đồng. Cổ phiếu của Công ty đang được giao dịch trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SMB.

### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Sản xuất kinh doanh các loại bia, rượu, nước giải khát;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại bia, rượu, cồn, nước giải khát, thiết bị, phụ tùng nguyên vật liệu của ngành công nghiệp thực phẩm;
- Tư vấn đào tạo, chế tạo máy móc thiết bị và xây lắp công trình của ngành công nghiệp thực phẩm;
- Đầu tư xây dựng khu công nghiệp, khu dân cư, kinh doanh bất động sản, nhà ở, kho bãi và văn phòng cho thuê;
- Khai thác chế biến và kinh doanh khoáng sản, nông thổ sản, xăng dầu;
- Kinh doanh nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch; và
- Các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật.

### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

### **Cấu trúc Công ty**

Tại thời điểm 31/12/2017, tổ chức của Công ty bao gồm Văn phòng chính tại Đắk Lắk và 02 Chi nhánh bao gồm:

- Trụ sở chính đặt tại số 01 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk;
- Chi nhánh Phú Yên tại thành phố Tuy Hòa tỉnh Phú Yên;
- Chi nhánh Quy Nhơn tại thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Trong năm 2017, thực hiện theo Nghị quyết số 11/2017/NQ-HDQT ngày 04/9/2017 của Hội đồng quản trị, Công ty đã thực hiện góp vốn để thành lập Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn do Công ty sở hữu 100% vốn. Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4101496141 ngày 20/9/2017 với vốn điều lệ là 23.036.081.218 đồng.

## **2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Niên độ kế toán của Chi nhánh bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)



### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

#### **Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Do báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung nên người sử dụng báo cáo tài chính riêng này cần đọc cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và những thay đổi về tình hình tài chính của toàn Công ty.

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Chuyển đổi ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Trong năm, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh hoặc tỷ giá ghi sổ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) và chi phí tài chính (nếu lỗ). Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại được phản ánh vào chênh lệch tỷ giá hối đoái và số dư được kết chuyển sang doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại ngày kết thúc niên độ kế toán năm.

#### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.



### **Đầu tư vào công ty con**

Phản ánh các khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền kiểm soát, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư (công ty con) nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó hoặc Công ty nắm giữ ít hơn 50% quyền biểu quyết nhưng có thỏa thuận khác:

- Các nhà đầu tư khác thỏa thuận dành cho Công ty hơn 50% quyền biểu quyết;
- Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động theo quy chế thỏa thuận;
- Công ty có quyền bổ nhiệm hoặc bãi miễn đa số các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương;
- Công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc cấp quản lý tương đương.

### **Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Trụ sở chính. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác (nếu có);
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa Trụ sở chính và các đơn vị khác không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Trụ sở chính căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Trụ sở chính được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.



**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	08 - 20

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất có thời hạn là toàn bộ các chi phí thực tế Trụ sở chính đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không phải tính khấu hao do Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19 tháng 11 năm 1988 là vô thời hạn.

***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Trụ sở chính đã chi ra đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

***Bất động sản đầu tư***

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.



***Bất động sản đầu tư cho thuê***

Bất động sản đầu tư cho thuê là giá trị nhà cửa vật kiến trúc do Trụ sở chính nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Thời gian khấu hao của nhà cửa là từ 16 năm đến 25 năm.

***Bất động sản đầu tư chờ tăng giá***

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá là giá trị quyền sử dụng đất do Trụ sở chính nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá để bán trong tương lai được trình bày theo nguyên giá trừ các tổn thất do suy giảm giá trị.

***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Trụ sở chính. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

***Chi phí trả trước***

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm:

- Chi phí công cụ dụng cụ bao gồm chi phí vỏ chai bia, két bia, thiết bị bia hơi, pallet đã đưa vào sử dụng. Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 24 đến 36 tháng. Riêng chi phí vỏ chai két mua trước năm 2012 tiếp tục được phân bổ trong thời gian là 12 năm nhất quán với chính sách phân bổ trước đó.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích của tài sản nhưng không quá 36 tháng.

***Các khoản dự phòng phải trả***

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn ba điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- (b) Có thể xảy ra sự giảm sút về những lợi ích kinh tế dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- (c) Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

***Doanh thu và thu nhập khác***

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Trụ sở chính có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

***Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:***

- (a) Trụ sở chính đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Trụ sở chính không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, Trụ sở chính chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- (d) Trụ sở chính sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:***

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Trụ sở chính chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu của dịch vụ trong từng kỳ thường được thực hiện theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành. Theo phương pháp này, doanh thu được ghi nhận trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ phần công việc đã hoàn thành. Phần công việc đã hoàn thành không phụ thuộc vào các khoản thanh toán định kỳ hay các khoản ứng trước của khách hàng.

***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

***Doanh thu hoạt động tài chính*** bao gồm: lãi tiền gửi, tiền vay; lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán; cổ tức, lợi nhuận được chia; lãi chênh lệch tỷ giá... Cụ thể như sau:

- Tiền lãi được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi, cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận theo thông báo của bên chia cổ tức, lợi nhuận.

Chênh lệch tỷ giá phản ánh các khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái thực tế phát sinh trong kỳ của các nghiệp vụ phát sinh có gốc ngoại tệ và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm báo cáo.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng và theo thông báo của ngân hàng.



### **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay như phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay (chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng), để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán, được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - Chi phí đi vay. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng từ 12 tháng trở xuống.

### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Trụ sở chính có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Trụ sở chính có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính toán và xác định căn cứ trên kết quả sản xuất kinh doanh của Trụ sở chính và các chi nhánh và được nộp tập trung tại Trụ sở chính. Theo đó, Trụ sở chính không thuyết minh chi tiết chi tiêu “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” trong báo cáo riêng của Trụ sở chính.

Toàn bộ sản phẩm bia chai nhãn hiệu Bia Sài Gòn được bán cho Công ty TNHH Một thành viên thương mại dịch vụ Bia Rượu Nước giải khát Sài Gòn theo giá bán và giá tính thuế tiêu thụ đặc biệt quy định trong hợp đồng. Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt của bia là 60%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**  
**TRỤ SỞ CHÍNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 30.

**5. TIỀN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	37.945.596	252.921.428
Tiền gửi ngân hàng	1.950.040.473	297.621.254
<b>Cộng</b>	<b><u>1.987.986.069</u></b>	<b><u>550.542.682</u></b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	14.802.555.020	16.212.454.995
Công ty Cổ phần Thương mại Tổng hợp An Hưng	3.783.720.981	1.851.610.640
Các khoản phải thu khách hàng khác	2.588.781.655	1.272.123.843
<b>Cộng</b>	<b><u>21.175.057.656</u></b>	<b><u>19.336.189.478</u></b>

**Phải thu khách hàng là bên liên quan**

Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	14.802.555.020	16.212.454.995
---	----------------	----------------

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Ký cược, ký quỹ	24.000.000	-	8.727.000.000	-
- Tạm ứng	130.500.000	-	119.000.000	-
- Thuế nhà thầu nộp thay cho KRONES AG	1.106.135.809	-	-	-
- Lợi nhuận được chia	881.003.987	-	-	-
- Phải thu khác	222.841.268	141.472.708	197.094.669	141.472.708
<b>Cộng</b>	<b><u>2.364.481.064</u></b>	<b><u>141.472.708</u></b>	<b><u>9.043.094.669</u></b>	<b><u>141.472.708</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**  
**TRỤ SỞ CHÍNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

**8. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

Đối tượng	31/12/2017				01/01/2017			
	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
		VND	VND	VND		VND	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>								
- Công ty TNHH MTV Thương mại Chiến Kim Anh	Trên 3 năm	641.492.329	-	641.492.329	Trên 3 năm	641.492.329	-	641.492.329
- Các đối tượng khác	Trên 3 năm	159.076.049	-	159.076.049	Trên 3 năm	169.746.049	-	169.746.049
<b>Phải thu khác</b>								
- Các đối tượng khác	Trên 3 năm	141.472.708	-	141.472.708	Trên 3 năm	141.472.708	-	141.472.708
<b>Trả trước cho người bán</b>								
- Công ty TNHH Kiến trúc xây dựng TTNT Cao Nguyễn Xanh	Trên 3 năm	72.000.000	-	72.000.000	Trên 3 năm	72.000.000	-	72.000.000

**Cộng**

<b>1.014.041.086</b>	-	<b>1.014.041.086</b>	<b>1.024.711.086</b>	-	<b>1.024.711.086</b>
----------------------	---	----------------------	----------------------	---	----------------------



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**  
**TRỤ SỞ CHÍNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

**9. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Dự phòng</b>
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	52.116.875	-	48.677.433	-
Nguyên liệu, vật liệu	33.714.613.534	-	12.217.032.045	-
Công cụ, dụng cụ	22.930.339.523	-	19.328.384.828	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	9.708.619.164	-	9.382.788.867	-
Thành phẩm	3.758.773.763	-	6.338.310.923	-
Hàng hoá	8.908.776	-	7.493.738	-
Hàng gửi bán	8.753.999	-	8.753.999	-
<b>Cộng</b>	<b>70.182.125.634</b>	<b>-</b>	<b>47.331.441.833</b>	<b>-</b>

Trụ sở chính không có hàng kém, mất phẩm chất, chậm luân chuyển hoặc bị giảm giá nên Ban Giám đốc Trụ sở chính không thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31/12/2017.

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>1.055.134.009</b>	<b>3.340.976.059</b>
- Chi phí bảo hiểm tài sản	290.747.504	277.088.809
- Chi phí CCDC	37.570.105	32.502.254
- Chi phí phụ tùng thay thế	305.429.023	652.899.987
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	421.387.377	2.378.485.009
<b>Dài hạn</b>	<b>22.839.841.524</b>	<b>24.588.427.614</b>
- Chi phí sửa chữa TSCĐ	2.561.441.456	2.284.831.098
- Chi phí vỏ chai, kết	12.986.676.918	17.338.451.550
- Chi phí CCDC	3.900.236.395	3.763.922.550
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3.391.486.755	1.201.222.416
<b>Cộng</b>	<b>23.894.975.533</b>	<b>27.929.403.673</b>

**11. VỐN KINH DOANH CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC**

	<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
	VND	VND
Chi nhánh Phú Yên	70.128.994.797	70.128.994.797
Chi nhánh Quy Nhơn	95.333.735.568	95.333.735.568
<b>Cộng</b>	<b>165.462.730.365</b>	<b>165.462.730.365</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**  
**TRỤ SỞ CHÍNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

MÃU SỐ B 09 - DN

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị văn phòng		TSCĐ khác		Tổng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYỄN GIÁ</b>												
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>119.758.908.410</b>	<b>537.692.578.176</b>	<b>7.449.927.759</b>	<b>545.589.071</b>	<b>733.632.648</b>	<b>666.180.636.064</b>						
Mua trong năm	102.794.575	5.800.525.454	3.474.015.700	83.424.000	-	9.460.759.729						
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	14.654.124.718	115.635.107.108	-	-	-	130.289.231.826						
Điều chuyển nội bộ	-	-	(1.097.418.140)	-	-	(1.097.418.140)						
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.106.838.504)	-	(71.257.254)	-	-						
Giảm khác	-	(1.980.733.296)	-	-	-	(1.178.095.758)						
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>134.515.827.703</b>	<b>656.040.638.938</b>	<b>9.826.525.319</b>	<b>557.755.817</b>	<b>733.632.648</b>	<b>801.674.380.425</b>						
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>												
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>47.095.009.664</b>	<b>349.450.806.774</b>	<b>4.014.081.410</b>	<b>156.634.124</b>	<b>549.267.371</b>	<b>401.265.799.343</b>						
Khấu hao trong năm	6.279.489.637	49.403.470.451	719.077.480	99.052.405	54.569.420	56.555.659.393						
Điều chuyển nội bộ	-	-	(104.688.159)	-	-	(104.688.159)						
Thanh lý, nhượng bán	-	(202.120.184)	-	(71.257.254)	-	(273.377.438)						
Giảm khác	-	(1.760.651.731)	-	-	-	(1.760.651.731)						
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>53.374.499.301</b>	<b>396.891.505.310</b>	<b>4.628.470.731</b>	<b>184.429.275</b>	<b>603.836.791</b>	<b>455.682.741.408</b>						
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>												
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>72.663.898.746</b>	<b>188.241.771.402</b>	<b>3.435.846.349</b>	<b>388.954.947</b>	<b>184.365.277</b>	<b>264.914.836.721</b>						
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>81.141.328.402</b>	<b>259.149.133.628</b>	<b>5.198.054.588</b>	<b>373.326.542</b>	<b>129.795.857</b>	<b>345.991.639.017</b>						
<i>TSCĐ hết khấu hao vẫn còn SD</i>	<i>3.764.620.634</i>	<i>4.470.961.723</i>	<i>3.249.810.511</i>	<i>83.720.908</i>	<i>536.632.648</i>	<i>12.105.746.424</i>						

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**  
**TRỤ SỞ CHÍNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	500.000.000	614.838.954	1.114.838.954
Tại ngày 31/12/2017	500.000.000	614.838.954	1.114.838.954
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2017	-	513.638.945	513.638.945
Khấu hao trong năm	-	101.200.009	101.200.009
Tại ngày 31/12/2017	-	614.838.954	614.838.954
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 01/01/2017	500.000.000	101.200.009	601.200.009
Tại ngày 31/12/2017	500.000.000	-	500.000.000

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

KHOẢN MỤC	01/01/2017	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
<b>I. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ</b>				
Nguyên giá				
- Nhà	6.771.346.071	-	-	6.771.346.071
Giá trị hao mòn lũy kế				
- Nhà	879.669.957	328.439.496	-	1.208.109.453
Giá trị còn lại				
- Nhà	5.891.676.114	-	328.439.496	5.563.236.618
<b>II. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NẪM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ</b>				
Nguyên giá				
- Quyền sử dụng đất	2.407.661.000	-	-	2.407.661.000
Tồn thất do suy giảm giá trị				
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
- Quyền sử dụng đất	2.407.661.000	-	-	2.407.661.000

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng đất được xác định bởi Biên bản định giá lại tài sản thể chấp ngày 12/9/2011 và văn bản thỏa thuận xử lý tài sản thể chấp số 38/2012/VBTT ngày 02/02/2012 giữa Trụ sở chính và một khách hàng. Lô đất tại địa chỉ khối 4 huyện Eakar, tỉnh Đắk Lắk. Trụ sở chính dự định nắm giữ quyền sử dụng đất này để bán trong tương lai.

Nhà cửa thể hiện giá trị của khu nhà văn phòng tại Trụ sở chính mà Trụ sở chính đang cho một bên khác thuê hàng năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**  
**TRỤ SỞ CHÍNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃU SỐ B 09 - DN**

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	2.994.699.190	2.994.699.190	7.017.879.968	7.017.879.968
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	657.840.098	657.840.098	1.114.686.039	1.114.686.039
Công ty TNHH Vận tải Ôtô An Phước	1.342.717.264	1.342.717.264	321.879.580	321.879.580
Cty TNHH Đại Thịnh	882.000.000	882.000.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	2.011.114.999	2.011.114.999	5.974.218.868	5.974.218.868
<b>Cộng</b>	<b>7.888.371.551</b>	<b>7.888.371.551</b>	<b>14.428.664.455</b>	<b>14.428.664.455</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	2.994.699.190	2.994.699.190	7.017.879.968	7.017.879.968
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	657.840.098	657.840.098	1.114.686.039	1.114.686.039

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**  
**TRỤ SỞ CHÍNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.464.066.746	53.229.222.001	50.331.106.340	7.362.182.407
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	(7.603.333)	8.169.292.474	8.212.072.325	(50.383.184)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	23.553.525.845	496.084.227.294	457.000.670.775	62.637.082.364
Thuế Xuất nhập khẩu	-	216.044.279	248.528.549	(32.484.270)
Thuế TNDN hiện hành	8.276.330.271	32.169.774.335	28.126.083.402	12.320.021.204
Thuế TNCN	195.972.013	2.563.305.635	2.598.437.703	160.839.945
Tiền thuế đất, thuế nhà đất	-	458.179.603	1.982.040.319	(1.523.860.716)
Thuế khác	-	2.794.654.225	2.794.654.225	-
<b>Cộng</b>	<b>36.482.291.542</b>	<b>595.684.699.846</b>	<b>551.293.593.638</b>	<b>80.873.397.750</b>

**Trong đó:**

Thuế và các khoản phải nộp nhà nước  
Thuế và các khoản phải thu nhà nước

36.489.894.875  
7.603.333

82.480.125.920  
1.606.728.170



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**  
**TRỤ SỞ CHÍNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃU SỐ B 09 - DN**

**17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2017		Trong năm			31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả	
	VND	năng trả nợ	VND	VND	VND	năng trả nợ	
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</b>	<b>34.739.142.000</b>	<b>34.739.142.000</b>	<b>514.064.942.731</b>	<b>519.274.084.731</b>	<b>29.530.000.000</b>	<b>29.530.000.000</b>	
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk (1)	27.500.000.000	27.500.000.000	167.547.531.786	192.047.531.786	3.000.000.000	3.000.000.000	
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk (2)	123.142.000	123.142.000	346.517.410.945	324.640.552.945	22.000.000.000	22.000.000.000	
- Vay CBCNV	7.116.000.000	7.116.000.000	-	2.586.000.000	4.530.000.000	4.530.000.000	
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>49.223.181.711</b>	<b>-</b>	<b>49.223.181.711</b>	<b>49.223.181.711</b>	
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam chi nhánh Đắk Lắk (3)	-	-	49.223.181.711	-	49.223.181.711	49.223.181.711	
<b>Cộng</b>	<b>34.739.142.000</b>	<b>34.739.142.000</b>	<b>563.288.124.442</b>	<b>519.274.084.731</b>	<b>78.753.181.711</b>	<b>78.753.181.711</b>	
<b>Lịch trả nợ vay dài hạn</b>							
- Năm 2019						24.613.875.252	
- Năm 2020						24.609.306.459	
<b>Cộng</b>						<b>49.223.181.711</b>	

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**  
**TRỤ SỞ CHÍNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

- (1) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng tín dụng số 1201117/MQK/HĐTD ngày 12/01/2017. Hạn mức cho vay tối đa là 80 tỷ đồng. Thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 12/01/2017 đến hết ngày 31/12/2017. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo công bố lãi suất của bên cho vay trong từng thời kỳ và được ghi trên từng Giấy nhận nợ. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.
- (2) Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo hợp đồng cho vay hạn mức số 17.20.0058/2017-HĐTDHM/NHCT502-BIASG-MT ngày 19/10/2017. Tổng hạn mức cho vay tối đa là 100 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 18/10/2017 đến hết ngày 10/10/2018. Mục đích khoản vay để bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo công bố của ngân hàng tại từng thời điểm nhận nợ và được điều chỉnh một tháng một lần.
- (3) Khoản vay trung hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo hai hợp đồng:
  - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 261017/MQK/HĐTD1 kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 261017/MQK/HĐCTD ngày 26/10/2017. Số tiền cho vay tối đa là 26.625.000.000 đồng. Thời hạn cho vay tối đa 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày sau ngày giải ngân đầu tiên. Trả nợ gốc định kỳ hàng quý. Lãi suất cho vay theo từng thời điểm và được ghi trên giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay để bù đắp các chi phí hợp lý hợp lệ công ty đã sử dụng vốn tự có vào đầu tư các tài sản cố định để bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh bia rượu, nước giải khát.
  - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 261017/MQK/HĐTD2 kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 261017/MQK/HĐCTD ngày 26/10/2017. Số tiền cho vay tối đa là 26.000.000.000 đồng. Thời hạn cho vay tối đa 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn là 12 tháng kể từ ngày sau ngày giải ngân đầu tiên. Trả nợ gốc định kỳ hàng quý. Lãi suất cho vay theo từng thời điểm và được ghi trên giấy nhận nợ. Mục đích khoản vay để tài trợ cho các nhu cầu thanh toán chi phí hợp pháp, hợp lệ liên quan đến việc thực hiện phương án đầu tư "Hệ thống máy móc kiểm tra chai xì và máy kiểm tra code chai tại Nhà máy bia Đắk Lắk, Quy Nhơn và Phú Yên. Hệ thống tank lên men - tank TBF tại Nhà máy Bia Đắk Lắk và Hệ thống nhà nấu sản xuất bia tự doanh tại Nhà máy bia Phú Yên" do Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung làm chủ đầu tư.



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**  
**TRỤ SỞ CHÍNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Lãi vay	638.674.414	23.029.841
Chi phí phải trả khác	903.347.914	1.242.513.361
<b>Cộng</b>	<b><u>1.542.022.328</u></b>	<b><u>1.265.543.202</u></b>

**19. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	245.395.299	321.612.721
- BHXH, BHYT, BHTN, BH TNLĐ-BNN	49.460.478	48.387.612
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	936.155.000	874.155.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.747.625.205	4.883.299.958
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.673.905.952	1.378.841.998
<b>Cộng</b>	<b><u>8.652.541.934</u></b>	<b><u>7.506.297.289</u></b>

**20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Dự phòng trợ cấp thôi việc (*)	2.866.224.000	2.123.672.400
Dự phòng thuế tiêu thụ đặc biệt giai đoạn 2011-2012	-	2.523.590.182
<b>Cộng</b>	<b><u>2.866.224.000</u></b>	<b><u>4.647.262.582</u></b>

(\*) Quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc trích lập trên cơ sở số lượng lao động ký hợp đồng lao động trước ngày 01/01/2009 đang làm việc tại Công ty và mỗi năm công tác được hỗ trợ một nửa tháng tiền lương bình quân của người lao động 6 tháng gần nhất kể từ thời điểm trích lập dự phòng ngày 31/12/2017.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG  
TRỤ SỞ CHÍNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển		LNST chưa phân phối		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>	<b>298.466.480.000</b>	<b>29.560.288.439</b>	<b>80.501.893.210</b>	<b>408.528.661.649</b>				
Lãi trong năm	-	-	-	103.677.160.122			103.677.160.122	
Trích lập các quỹ đầu tư	-	11.166.704.445	-	(11.166.704.445)			-	
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(18.901.800.319)			(18.901.800.319)	
Chi cổ tức	-	-	-	(47.754.636.800)			(47.754.636.800)	
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>	<b>298.466.480.000</b>	<b>40.726.992.884</b>	<b>106.355.911.768</b>	<b>445.549.384.652</b>				
Lãi trong năm	-	-	-	39.496.483.360			39.496.483.360	
Lợi nhuận chi nhánh chuyển về	-	-	-	87.762.486.973			87.762.486.973	
Trích lập các quỹ đầu tư	-	10.367.716.012	-	(10.367.716.012)			-	
Trích lập các quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(20.976.376.435)			(20.976.376.435)	
Chia cổ tức	-	-	-	(74.616.620.000)			(74.616.620.000)	
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>	<b>298.466.480.000</b>	<b>51.094.708.896</b>	<b>127.654.169.654</b>	<b>477.215.358.550</b>				

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 01/2017/NQ-DHCD ngày 08/4/2017, trong đó:

- Trích Quỹ đầu tư phát triển 10.367.716.012 đồng
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi 14.514.802.417 đồng
- Trích Quỹ thưởng vượt lợi nhuận kế hoạch 6.461.574.018 đồng
- Chia cổ tức (25%) 74.616.620.000 đồng



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**  
**TRỤ SỞ CHÍNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2017	01/01/2017	Tỷ lệ sở hữu
	VND	VND	
Tổng Công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn	96.173.630.000	96.173.630.000	32,20%
Các đối tượng khác	202.292.850.000	202.292.850.000	67,80%
<b>Cộng</b>	<b>298.466.480.000</b>	<b>298.466.480.000</b>	<b>100%</b>

**Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	29.846.648	29.846.648
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	29.846.648	29.846.648
- Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	29.846.648
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.846.648	29.846.648
- Cổ phiếu phổ thông	29.846.648	29.846.648
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá mỗi cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 đồng		

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Đơn vị	31/12/2017	01/01/2017
<b>Tài sản nhận giữ hộ</b>			
- Bia Sài Gòn 450	Két	-	19.240
- Bia Sài Gòn 355	Két	-	115.760
- Bia Sài Gòn Lager 355	Két	95	14.111
- Bia lon Sài Gòn Lager 330	Thùng	2.531	-
- Ca nhựa 2L	Cái	-	82
		<b>31/12/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
<b>Ngoại tệ các loại</b>			
- USD		-	1.010,53
- EURO		320,93	301,85

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**  
**TRỤ SỞ CHÍNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
- Doanh thu bán hàng	609.206.029.748	380.667.957.643
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.600.321.754	2.855.385.384
- Doanh thu cho thuê bất động sản	981.927.273	831.496.363
<b>Cộng doanh thu</b>	<b>613.788.278.775</b>	<b>384.354.839.390</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
- Chiết khấu thương mại	1.842.615.410	1.062.870.274
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>611.945.663.365</b>	<b>383.291.969.116</b>

**Doanh thu với các bên liên quan**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	576.457.013.126	342.608.741.943
Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn (bao gồm cả thuế TTĐB)	1.758.074.129	-

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	506.811.415.224	290.345.699.330
Chi phí từ cho thuê Bất động sản đầu tư	368.007.792	236.587.915
<b>Cộng</b>	<b>507.179.423.016</b>	<b>290.582.287.245</b>

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.223.301.106	224.586.693
Cổ tức, lợi nhuận được chia	881.003.987	107.344.600
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.285.281.832	-
<b>Cộng</b>	<b>8.389.586.925</b>	<b>331.931.293</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**  
**TRỤ SỞ CHÍNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>15.560.656.276</b>	<b>15.655.715.420</b>
Chi phí lương nhân viên	4.958.658.735	1.683.966.782
Chi phí công cụ, dụng cụ	371.495.481	402.864.931
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.856.916.104	8.332.298.310
Chi phí khác	3.373.585.956	5.236.585.397
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>29.613.434.818</b>	<b>28.090.277.184</b>
Chi phí lương nhân viên	13.305.747.516	9.123.824.797
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.036.633.533	515.957.753
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.957.228.850	1.991.829.085
Chi phí thuê đất, thuế đất	490.871.200	4.103.336.758
Chi phí dự phòng	744.187.400	501.286.610
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.525.387.823	1.149.729.519
Chi phí khác	10.553.378.496	10.704.312.662
<b>Cộng</b>	<b><u>45.174.091.094</u></b>	<b><u>43.745.992.604</u></b>

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	406.703.549.639	201.054.299.650
Chi phí nhân công	33.222.126.411	25.899.313.275
Chi phí khấu hao tài sản cố định	56.981.629.355	51.943.217.700
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.272.531.957	33.407.532.377
Chi phí khác bằng tiền	20.775.708.246	26.194.834.119
<b>Cộng</b>	<b><u>552.955.545.608</u></b>	<b><u>338.499.197.121</u></b>

**28. THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	8.155.315	184.579.133
Tiền phạt thu được	-	13.299.860
Thu từ bán bã hèm	5.370.633.679	5.964.634.200
Bán vật tư, phế liệu	635.947.590	493.690.938
Các khoản khác	2.217.811.788	3.129.225.823
<b>Cộng</b>	<b><u>8.232.548.372</u></b>	<b><u>9.785.429.954</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - MIỀN TRUNG**  
**TRỤ SỞ CHÍNH**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**29. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
Các khoản bị phạt, truy thu	18.141.529	2.021.485
Bán vật tư, phế liệu	277.692.000	431.686.638
Các khoản khác	656.120.103	258.867.182
<b>Cộng</b>	<b><u>951.953.632</u></b>	<b><u>692.575.305</u></b>

**30. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trụ sở chính có các bên liên quan sau:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	Cổ đông chiếm 32,2% vốn điều lệ Công ty con của Tổng Công ty Cổ phần Bia rượu NGK Sài Gòn
Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn	Công ty con

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong năm Trụ sở chính có giao dịch với các bên liên quan sau:

	<u>Năm 2017</u>	<u>Năm 2016</u>
	VND	VND
<b>Mua hàng</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia Rượu NGK Sài Gòn	330.409.480.977	111.954.055.793
Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn	1.143.550.869	1.832.623.671
<b>Lợi nhuận được chia</b>		
Công ty TNHH MTV Thương mại - Dịch vụ Bia Quy Nhơn	881.003.987	-
<b>Thu nhập của Ban điều hành</b>		
Thu nhập của HĐQT, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	5.106.352.600	3.842.567.000

**31. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Trụ sở chính cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

**32. THÔNG TIN KHÁC**

Theo Công văn số 2326/UBND-TH ngày 26 tháng 07 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Bình Định về việc đề nghị gia hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn-Miền Trung, từ tháng 06 năm 2011 đến tháng 12 năm 2012, hàng tháng Công ty thực hiện kê khai thuế tiêu thụ đặc biệt 100% và thực nộp 50% cho ngân sách, 50% số thuế còn lại được nộp đầy đủ vào ngày 25 tháng 12 của từng năm tài chính.



*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

Theo Công văn số 3973/VPCP-KTTH của Văn phòng chính phủ ngày 02/6/2014, Văn phòng chính phủ yêu cầu Bộ Tài chính kiểm tra, đánh giá cụ thể việc Công ty thực hiện nộp thuế TTĐB theo văn bản số 2326/UBND-TH ngày 26/7/2011 của UBND tỉnh Bình Định để xác định nguyên nhân và trách nhiệm của tổ chức, đơn vị liên quan và xử lý theo quy định của pháp luật trước khi xem xét giải quyết miễn phạt chậm nộp thuế TTĐB đối với Công ty.

Theo Công văn số 17243/BTC-TCT ngày 26/11/2014 của Bộ Tài chính gửi Thủ tướng Chính phủ: sau khi xem xét tình hình thực tế và căn cứ điều 111 Luật quản lý thuế, Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét xử lý miễn phạt chậm nộp thuế TTĐB cho Công ty trong năm 2011 và năm 2012 với số tiền là 13.462.481.467 đồng.

Theo Công văn số 5198/BTC-TCT ngày 20/4/2015 của Bộ tài chính gửi UBND tỉnh Bình Định và Công văn số 1887/UBND-TH ngày 05/5/2015 của UBND tỉnh Bình Định gửi Cục thuế tỉnh Bình Định và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung: đề nghị phối hợp báo cáo một số nội dung bổ sung làm căn cứ xem xét miễn phạt chậm nộp. Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung, Cục thuế tỉnh Bình Định, UBND tỉnh Bình Định đã gửi công văn giải trình theo yêu cầu của Bộ tài chính.

Áp dụng nguyên tắc thận trọng của kế toán trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2015, Trụ sở chính đã trích lập dự phòng nợ phải trả liên quan đến khoản tiền phạt chậm nộp thuế TTĐB nói trên với mức trích lập là 100% trên cơ sở xem xét thận trọng tình hình tài chính và việc thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 của Công ty thông qua. Việc Trụ sở chính có phải nộp khoản tiền phạt chậm nộp thuế TTĐB năm 2011 và 2012 nêu trên hay không phụ thuộc vào quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

Đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, Cục thuế tỉnh Bình Định và UBND tỉnh Bình Định đã phát hành các công văn số 917/CT-QLN ngày 03/6/2016 và công văn số 2200/UBND-TH ngày 06/6/2016 gửi Bộ Tài chính và Tổng cục thuế về việc xin chủ trương giải quyết miễn phạt chậm nộp thuế TTĐB đối với Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung do thuộc trường hợp bất khả kháng. Đồng thời, cũng trong thời gian này, Cục thuế tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định số 991/QĐ-CT ngày 10/6/2016 về việc yêu cầu Công ty tiến hành tạm nộp số tiền (trường hợp Chính phủ đồng ý miễn thì Cục thuế tỉnh Đắk Lắk sẽ hoàn trả lại) phạt chậm nộp thuế TTĐB phát sinh tại trụ sở chính tại Đắk Lắk. Ngày 07/07/2016, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung đã gửi công văn số 150/CV-SMB đến Cục thuế tỉnh Đắk Lắk về việc đề nghị nộp dần tiền thuế nợ trong vòng 12 tháng từ ngày 07/07/2016 đến ngày 07/07/2017. Tổng số tiền Trụ sở chính đã nộp cho Cục thuế tỉnh Đắk Lắk đến ngày 31/12/2017 là 5.047.180.366 đồng.

### 33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán.

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 02 năm 2018

Người lập

**Trần Thị Thanh Phúc**

Kế toán trưởng

**Vũ Tuấn Anh**

Tổng Giám đốc



**Huỳnh Văn Dũng**